TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **143/**2022/DS-ST
Ngày: 01/06/2022.
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Lợi

2. Bà Trần Kim Chi

Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Quí** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2021/TLST-DS ngày 19/11/2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐST-DS ngày 25/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện G giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **LÊ THỊ NGỌC G** – sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **VÕ THỊ C** – sinh năm 1983;

LÊ VĂN T – sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: khu phố, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang;

(Bà G xin vắng mặt, bà C, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G trình bày: ngày 20/8/2019 vợ chồng bà C, ông T có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay là 4 tháng. Khi vay vợ chồng bà C, ông T có làm biên nhận cho bà có chữ viết và chữ ký của bà C, ông T. Sau khi vay bà C, ông T có trả cho bà 1.250.000 đồng

tiền lãi rồi ngưng luôn cho đến nay, chưa trả tiền vốn. Ngoài ra ông T, bà C có tham gia chơi hụi do bà làm chủ 4 dây hụi còn lại tiền hụi chết chưa trả cụ thể: loại hụi 2.000.000 đồng ngày 10/7/2018 có 20 phần, bà C, ông T tham gia 1 phần. Sau khi tham gia bà C, ông T đóng được 10 kỳ hụi sống (bao gồm phần của bà C, ông T) rồi hốt hụi, nhưng không đóng hụi chết, còn nợ lại 10 kỳ là 20.000.000 đồng;

Loại hụi 2.000.000 đồng ngày 25/9/2018 có 20 phần, bà C, ông T tham gia 1 phần. Sau khi tham gia bà C, ông T đóng được 10 kỳ hụi sống (bao gồm phần của bà C, ông T) rồi hốt hụi, nhưng không đóng hụi chết, còn nợ lại 10 kỳ là 20.000.000 đồng.

Loại hụi 2.000.000 đồng ngày 20/12/2018 có 21 phần, bà C, ông T tham gia 1 phần. Sau khi tham gia bà C, ông T đóng được 10 kỳ hụi sống (bao gồm phần của bà C, ông T) rồi hốt hụi, nhưng không đóng hụi chết, còn nợ lại 11 kỳ là 22.000.000 đồng.

Loại hụi 3.000.000 đồng ngày 30/5/2019 có 24 phần, bà C, ông T tham gia 1 phần. Sau khi tham gia bà C, ông T đóng được 03 kỳ hụi sống (bao gồm phần của bà C, ông T) rồi hốt hụi, nhưng không đóng hụi chết, còn nợ lại 21 kỳ là 63.000.000 đồng.

Hiện các dây hụi này đã mãn nhưng bà C, ông T vẫn chưa trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu ông T, bà C trả lại bà số tiền 175.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tiền vay và 125.000.000 đồng tiền hụi), yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày bà C, ông T vi phạm là ngày 21/12/2019 đến ngày bà khởi kiện là ngày 11/5/2021 là 16 tháng 20 ngày, với mức lãi suất là 0,83%/tháng thành tiền là 6.916.600 đồng, yêu cầu trả tiền vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn ông Lê Văn T trình bày: ông và vợ ông là Võ Thị C có vay tiền của bà Lê Thị Ngọc G. Nay bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 183.000.000 đồng thì ông đồng ý trả nhưng ông xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Do hiện nay vợ chồng ông không có tiền để trả 01 lần, vợ chồng ông đi làm thuê thu nhập không ổn định nên ông xin được trả dần hàng tháng đến khi hết nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bà C không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc G.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Võ Thị C và ông Lê Văn T trả lại số tiền là 175.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tiền vay và 125.000.000 đồng tiền hụi), yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày bà C, ông T vi phạm là ngày 21/12/2019 đến ngày bà khởi kiện là ngày 11/5/2021 là 16 tháng 20 ngày, với mức lãi suất là 0,83%/tháng thành tiền là 6.916.600 đồng, yêu cầu trả tiền vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị C và ông Lê Văn T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc G, buộc bà Võ Thị C và ông Lê Văn T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc G số tiền 175.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tiền vay và 125.000.000 đồng tiền hụi) và tiền lãi là 6.916.600 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

[1] Xét nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà G.

[2] Xét bị đơn bà Võ Thị C và ông Lê Văn T, đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà C, ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc G là có cơ sở: vì bà Võ Thị C và ông Lê Văn T có tham gia 04 dây hụi do bà Lê Thị Ngọc G làm chủ. Trong đó 03 dây hụi loại 2.000.000 đồng, khui ngày 10/7/2018, ngày 25/9/2018 và ngày 20/12/2018, 03 dây hụi này bà C, ông T còn nợ 62.000.000 đồng tiền hụi chết, 01 dây hụi 3.000.00 đồng khui ngày 30/5/2019 bà C, ông T còn nợ lại 63.000.000 đồng, hiện 4 dây hụi này đã mãn. Ngoài ra vào ngày 20/8/2019 bà C, ông T còn vay của bà G số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 tháng, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà G cung cấp 3 tờ biên nhận có chữ ký và chữ viết của bà C, ông T. Phía ông T cũng thừa nhận còn nợ bà G tổng số tiền là 183.000.000 đồng và chấp nhận trả số tiền này, tuy nhiên bà G chỉ yêu cầu bà C, ông T trả số tiền 175.000.000 đồng do bà G tính lãi có sai sót. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa bà G và bà C, ông T đã xác lập hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 và 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bà C, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ, nên cần buộc bà C, ông T có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 175.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Bà G yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày bà C, ông T vi phạm là ngày 21/12/2019 đến ngày bà khởi kiện là ngày 11/5/2021 là 16 tháng 20 ngày, với mức lãi suất là 0,83%/tháng thành tiền là 6.916.600 đồng. Xét yêu cầu này của bà G là có cơ sở vì bà C, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bà G nên bà C, ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, và lãi suất do bà G yêu cầu bà C, ông T trả phù hợp với mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của bà G phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Về thời gian trả: bà G yêu cầu bà C, ông T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, phía ông T xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét

yêu cầu của bà G là có cơ sở vì số tiền này bà C, ông T để kéo dài không trả cho bà G đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà G, phía bà G không chấp nhận cho bà C, ông T trả dần hàng tháng, nên cần buộc bà C, ông T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà G được chấp nhận nên bà C, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc G

Buộc bà Võ Thị C và ông Lê Văn T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc G số tiền hụi là 125.000.000 đồng, tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 6.916.600 đồng tổng cộng là **181.916.600** đồng (một trăm tám mươi mốt triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Võ Thị C và ông Lê Văn T phải chịu **9.095.800** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Ngọc G 5.575.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu số 0005801 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;